

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/DS-ST

Ngày 22 - 9 - 2022

*V/v Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ
tài sản do người chết để lại*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vương Minh Tân.

2. Bà Lê Thị Thảo.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoài Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2020/TLST-DS, ngày 01 tháng 7 năm 2020, về việc *Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị B**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ dân phố 07, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1987.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm 12, xã K, huyện Y (nay là thành phố T), tỉnh Tuyên Quang.

Tạm trú: Tổ dân phố 07, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (cửa hàng kinh doanh: Số nhà 330, đường Phạm Văn Đồng, tổ dân phố 04, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang) - Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: - Anh **Nguyễn Khánh Đ**, sinh năm 1989;

Nơi đăng ký HKTT: Xóm 12, xã K, huyện Y (nay là thành phố T), tỉnh Tuyên Quang.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại: Phân trại số 6, Trại giam Thanh Lâm, Cục C10, Bộ Công an (huyện N, tỉnh Thanh Hoá) - Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Chị **Bùi Chân C**, sinh năm 2000.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm 12, xã K, huyện Y (nay là thành phố T), tỉnh Tuyên Quang - Chị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

- Chị **Nguyễn Thùy T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ dân phố 07, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

Người làm chứng: Ông **Trần Ngọc A**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Xóm 12, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị **Bùi Thị B** trình bày tại Đơn khởi kiện; Bản tự khai và tại phiên tòa: Ngày 06/9/2016, tôi có cho bà **Nguyễn Thị H** (không rõ ngày, tháng, năm sinh) ở xóm 12, xã K, huyện Y (nay là thành phố T), tỉnh Tuyên Quang, vay 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) đến nay bà H chưa trả. Năm 2017 bà H chết, nên tôi có đến gặp anh **Nguyễn Thanh T** là con trai bà H hiện đang quản lý toàn bộ tài sản của bà H để lại yêu cầu anh T trả 15.000.000 đồng bà H đã vay của tôi, nhưng anh T không trả, do vậy đầu năm 2018 tôi có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, yêu cầu giải quyết buộc anh **Nguyễn Thanh T** con trai của bà **Nguyễn Thị H** là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản nhà, đất của bà **Nguyễn Thị H** có trách nhiệm trả nợ thay cho bà **Nguyễn Thị H**, nhưng chưa được Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết. Năm 2019, do xã K, huyện Y được sáp nhập vào thành phố T, nên tôi có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay tôi đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết buộc anh **Nguyễn Thanh T** con trai của bà **Nguyễn Thị H** có trách nhiệm trả nợ thay cho bà **Nguyễn Thị H** 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) tiền gốc, không yêu cầu trả lãi và anh T có trách nhiệm hoàn trả lại tôi tiền chi phí chữ ký, chữ viết của bà **Nguyễn Thị H** là 2.220.000 đồng (Hai triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng). Ngoài ra tôi không yêu cầu giải quyết nội dung gì khác.

Bị đơn anh **Nguyễn Thanh T** trình bày tại Bản tự khai; Biên bản hoà giải và tại phiên tòa: Việc mẹ tôi là bà **Nguyễn Thị H** có vay tiền của bà **Bùi Thị B** như thế nào tôi không biết. Trước khi mẹ tôi (bà **Nguyễn Thị H**) chết thì tôi không thấy mẹ tôi nói là có vay tiền của bà **Bùi Thị B**. Nay bà **Bình** yêu cầu tôi phải có trách nhiệm trả số tiền mà mẹ tôi đã vay là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) thì tôi không nhất trí. Mẹ tôi (Hồng) trước khi chết không để lại tài sản gì cho ai; nhà và đất tôi đang quản lý ở xóm 12, xã K, huyện Y (nay là thành phố T), tỉnh Tuyên Quang, là của tôi mua đất của ông An sau đó tôi xây nhà ở như hiện tại, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Nguyễn Khánh Đ** trình bày tại Biên bản lấy lời khai có lưu trong hồ sơ vụ án: Việc mẹ tôi là bà **Nguyễn Thị H** có vay tiền của bà **Bùi Thị B** như thế nào tôi không biết, không liên quan. Hiện tôi

đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam; tôi không quản lý tài sản của mẹ tôi, nên đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thùy T trình bày tại phiên tòa: Tôi chỉ biết khi còn sống mẹ tôi là bà Nguyễn Thị H có vay tiền của Ngân hàng, ngoài ra mẹ tôi có vay tài sản của ai, như thế nào tôi không biết. Trước khi mẹ tôi chết bà chỉ có 01 chiếc xe đạp điện cũ trị giá khoảng 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng cho em tôi là Bùi Chân C sử dụng; còn tài sản khác đã bị em tôi là anh Nguyễn Khánh Đ tiêu tốn hết. Nhà và đất hiện nay anh Nguyễn Thanh T đang quản lý sử dụng có nguồn gốc là của bố tôi ông Nguyễn Văn Chiêu và mẹ tôi khi còn sống mua của ông An ở cùng xóm vào khoảng năm 1990 - 1992, sau đó anh T bỏ tiền ra xây nhà ở như hiện nay. Trước khi chết mẹ tôi không để lại di chúc, bà chỉ nói nhà ở không được chia. Như vậy, tài sản của mẹ tôi (bà H) để lại nếu có thì chưa được chia cho ai. Nay chị Bình cho rằng mẹ tôi khi còn sống có vay của chị Bình 15.000.000 đồng chưa trả thì mẹ tôi chết, nên đây là rủi ro chị Bình phải chịu, nhưng vì tình cảm tôi nhất trí trả cho chị Bình 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), nếu chị Bình không nhất trí tôi đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Chân C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng đều vắng mặt không có lý do. Xác minh tại địa phương nơi cư trú được biết chị Bùi Chân C không có mặt tại địa phương, hiện Chị C ở đâu, làm gì, địa phương không biết, nên Tòa án không lấy được ý kiến của Chị C.

Người làm chứng ông Trần Ngọc A trình bày có lưu trong hồ sơ vụ án: Vào năm 1990, tôi có chuyển nhượng 01 diện tích đất cho ông Chiêu là bố của anh T mà hiện nay anh T đang sử dụng. Diện tích đất này khi chuyển nhượng thì ông Chiêu có trả cho tôi bằng 01 chiếc TIVI hiệu VIETTONIC, đen trắng, 14 in. Như vậy, tôi chuyển nhượng đất cho ông Chiêu chứ tôi không chuyển nhượng đất cho anh T. Cách đây khoảng 01 năm tôi có ký xác nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất này cho anh T để anh T làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tôi không có tranh chấp gì về đất đai, tài sản với anh T.

Về tài liệu, chứng cứ, đương sự cung cấp cho Tòa án.

Chị Bùi Thị B cung cấp:

- 01 (Một) bản gốc Giấy vay tiền đề ngày 06/9/2016, mang tên người cho vay Bùi Thị B, người vay Nguyễn Thị H.

- 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân mang tên Bùi Thị B (bản phô tô);

Anh Nguyễn Thanh T, anh Nguyễn Khánh Đ, chị Bùi Chân C và chị Nguyễn Thùy T không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Quá trình giải quyết vụ án, do bà Nguyễn Thị H đã chết năm 2017, nên Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đã ra quyết định trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của bà Nguyễn Thị H (mẫu so sánh chữ viết, chữ ký trong bản chính Giấy vay tiền đề ngày 06/9/2016, mang tên người vay Nguyễn Thị H so sánh với tài liệu, giấy tờ gốc của bà Nguyễn Thị H tại Tờ khai Chứng minh nhân dân lưu tại Phòng Cảnh sát quản lý Hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Tuyên Quang; các tài liệu là bản chính có liên quan trong hồ sơ vay tiền của bà Nguyễn Thị H lưu tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh

huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Kết luận giám định số 769/GĐ-KTHS ngày 29/8/2021, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

1. Thời điểm viết của Tờ khai chứng minh nhân dân ký hiệu B1 với thời điểm viết của “giấy vay tiền” ký hiệu A1 cách xa nhau nên không tiến hành giám định so sánh.

2. Chữ viết phần nội dung, chữ ký (dạng chữ viết) “Hồng”, chữ viết ghi tên “Nguyễn Thị H” trên “giấy vay tiền” ký hiệu A1 với chữ viết đứng tên Nguyễn Thị H trên “GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM PHƯƠNG ÁN VAY VỐN” ký hiệu H1 (*trừ các chữ viết “xóm 12 - Kim Phú - Yên Sơn - Tuyên Quang”, “nt” chữ “DV may mặc”, “8,5%”, “(1 kỳ)”, “(kỳ trả gốc)”, “08”, “12”, “2015”, “xã K”; chữ viết tay, chữ ký đứng tên Lưu Hồng Châm dưới mục “XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ (PHƯỜNG)”;* chữ ký “Hiền - Không T.T Hiền” và toàn bộ chữ viết, chữ ký ở mặt sau) là do cùng một người viết.

Chữ ký “Hồng” trên “giấy vay tiền” ký hiệu A1 với chữ ký dưới mục “Cá nhân/Người đại diện” trên “GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM PHƯƠNG ÁN VAY VỐN” ký hiệu H1 không cùng dạng nên không tiến hành giám định so sánh.

3. Chữ viết phần nội dung, chữ ký (dạng chữ viết) “Hồng”, chữ viết ghi tên “Nguyễn Thị H” trên “giấy vay tiền” ký hiệu A1 với chữ viết đứng tên Nguyễn Thị H trên “GIẤY XIN XÁC NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” ký hiệu H2 (*trừ các chữ ký, chữ viết dưới mục “Người thừa kế” và toàn bộ chữ viết, chữ ký ở mặt sau*) là do cùng một người viết.

Chữ ký “Hồng” trên “giấy vay tiền” ký hiệu A1 với chữ ký dưới mục “Chủ hộ vay vốn” trên “GIẤY XIN XÁC NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” ký hiệu H2 không cùng dạng nên không tiến hành giám định so sánh.

4. Chữ viết phần nội dung, chữ ký (dạng chữ viết) “Hồng”, chữ viết ghi tên “Nguyễn Thị H” trên “giấy vay tiền” ký hiệu A1 với chữ viết đứng tên Nguyễn Thị H trên “SỔ VAY VỐN” ký hiệu H3 (*trừ các chữ viết “Không Thị Thu Hiền”, “con dâu”, “nhà xây C4”, “100.000.000”, chữ ký “Hiền - Không T.T. Hiền” và các chữ viết, chữ ký bằng mực màu xanh*) là do cùng một người viết.

Chữ ký “Hồng” trên “giấy vay tiền” ký hiệu A1 với chữ ký dưới mục “CHỦ HỘ” trên “SỔ VAY VỐN” ký hiệu H3 không cùng dạng nên không tiến hành giám định so sánh.

- Chị Bùi Thị B đã chi trả xong tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị H là 2.220.000 đồng (Hai triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Tòa án xác minh tại địa phương nơi cư trú của bà Nguyễn Thị H được biết bà H có đăng ký hộ khẩu thường trú và có tài sản là nhà, đất ở xóm 12, xã K, huyện Y (nay là thành phố T), tỉnh Tuyên Quang. Bà H chết tháng 3 năm 2017. Bà H có chồng, nhưng đã chết cách đây hơn 20 năm. Trước khi chết bà H có 04 người con là anh Nguyễn Thanh T, anh Nguyễn Khánh Đ, chị Bùi Chân C và 01 người con gái cả, nhưng không có mặt ở địa phương từ bé, nên địa phương không biết tên, tuổi, địa chỉ ở đâu. Anh Điệp hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam; Chị C hiện không có mặt ở địa phương. Tài sản của bà H để lại gồm 01 nhà xây cấp 4 trên diện tích đất giáp đường Quốc lộ 37 cũ; trị giá nhà và đất hiện khoảng 500.000.000 đồng. Toàn bộ tài sản của bà H để lại hiện do anh T quản lý sử dụng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, thụ lý và giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc *Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách đương sự, và tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng trình tự của pháp luật quy định. Các phần tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định. Ý thức chấp hành pháp luật khi tham gia tố tụng tại Tòa án của nguyên đơn được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; bị đơn còn chưa thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào Điều 26; 35; 39; 161; 162; 227; 228; 264; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 357; 615; 616 của Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

* Tuyên xử:

- Buộc anh Nguyễn Thanh T thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết (bà Nguyễn Thị H) để lại là phải có trách nhiệm trả cho chị Bùi Thị B 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) tiền gốc.

- Buộc anh Nguyễn Thanh T có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị Bùi Thị B tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị H.

Khoản tiền phải trả trên, nếu bên phải thi hành án chậm trả thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định của pháp luật.

- Anh Nguyễn Thanh T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Chị Bùi Thị B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

[1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, thấy rằng bản gốc Giấy biên nhận vay tiền đề ngày 06/9/2016, do chị Bùi Thị B giao nộp cho Tòa án có lưu trong hồ sơ để chứng minh rằng từ ngày 06/9/2016, bà Nguyễn Thị H có vay của chị Bình 15.000.000 đồng tiền gốc. Sau khi vay tiền bà H chưa trả được cho chị Bình thì năm 2017 bà H chết; chị Bình yêu cầu anh Nguyễn Thanh T là con trai bà H đang quản lý tài sản của bà H có trách nhiệm trả nợ thay cho bà H, nhưng anh T không trả, nên chị Bình có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định tại Điều 26; 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà H và chị Bình thỏa thuận vay tiền, hai bên có ký kết hợp đồng vay tiền theo quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng vay tiền bà H chưa trả được cho chị Bình thì đến năm 2017 bà H chết. Bà H là mẹ đẻ của anh T và anh T là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản là đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất do bà H chết để lại, do vậy xác định đây là vụ án dân sự về việc *Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*, để giải quyết theo Điều 615; 616 của Bộ luật dân sự quy định.

[3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Bình xuất trình được chứng cứ hợp pháp để chứng minh việc ngày 06/9/2016, bà H có vay 15.000.000 đồng tiền gốc đến nay chưa trả; căn cứ Kết luận giám định xác định được chữ ký, chữ viết trong hợp đồng vay tiền là của bà H ký và viết lên. Anh T không xuất trình được chứng cứ và chứng minh được việc bà H không vay tiền của chị Bình. Tài sản của bà H là đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất sau khi chết để lại hiện do anh T đang trực tiếp quản lý, sử dụng và chưa chia thừa kế cho ai, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị B là buộc anh Nguyễn Thanh T có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết (bà Nguyễn Thị H) để lại là trả cho chị Bình 15.000.000 đồng tiền gốc và phải chịu lãi nếu chậm thi hành theo quy định của Điều 357; 615; 616 của Bộ luật dân sự quy định.

[4] Khoản tiền 2.220.000 đồng (Hai triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) chi phí cho việc giám định chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị H; chị Bình yêu cầu giám định để làm căn cứ giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật. Nhưng do chị Bình đã tạm ứng chi trả xong, nên anh T phải hoàn trả lại cho chị Bình toàn bộ số tiền 2.220.000 đồng này và phải chịu lãi nếu chậm trả là có căn cứ theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 15.000.000 đồng phải trả cho chị Bình. Chị Bình không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho chị Bình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

[6] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Điệp có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Chị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt anh Điệp và Chị C theo Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26; 35; 39; 161; 162; 227; 228; 264; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 357; 615; 616 của Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Buộc anh Nguyễn Thanh T thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết (bà Nguyễn Thị H) để lại là phải có trách nhiệm trả cho chị Bùi Thị B 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) tiền gốc.

Khoản tiền phải trả trên, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Buộc anh Nguyễn Thanh T có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị Bùi Thị B 2.220.000 đồng (Hai triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị H.

Khoản tiền phải hoàn trả lại trên, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: - Anh Nguyễn Thanh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) của số tiền thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết (bà Nguyễn Thị H) để lại.

- Chị Bùi Thị B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Bùi Thị B toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự là 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0000479, ngày 30 tháng 6 năm 2020, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

4. Về quyền kháng cáo: - Chị Bùi Thị B, anh Nguyễn Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thùy T được quyền kháng cáo phần có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình của bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Khánh Đ và chị Bùi Chân C được quyền kháng cáo phần có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình của bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Tuấn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn

NHẬP LÃI SUẤT

Cách tính cụ thể:

- Từ ngày 05/02/2019 đến 05/02/2021 = 02 năm
- Từ ngày 06/02/2021 đến 06/5/2021 = 03 tháng
- Từ ngày 07/5/2021 đến 10/5/2021 = 04 ngày

Bước 1 là 308.500.000đ gốc - 90.000.000đ có tính lãi ghi trong hợp đồng là 20%/tháng = 218.500.000đ không có lãi ghi trong hợp đồng, nên tính lãi là 10%/tháng.

$90.000.000đ \times 20\%/năm = 18.000.000đ \text{ lãi/năm}$
 $18.000.000đ \text{ lãi} : 12 \text{ tháng} = 1.500.000đ \text{ lãi/tháng}$
 $1.500.000đ \text{ lãi/tháng} : 30 \text{ ngày} = 50.000đ/\text{ngày}$

Vậy:

- * $18.000.000đ \text{ lãi/năm} \times 2 \text{ năm} = 36.000.000đ/2 \text{ năm}$
- * $1.500.000đ \text{ lãi/tháng} \times 3 \text{ tháng} = 4.500.000đ/3 \text{ tháng}$
- * $50.000.000đ \text{ lãi/ngày} \times 4 \text{ ngày} = 200.000đ/4 \text{ ngày.}$

Tổng lãi là $36.000.000đ + 4.500.000đ + 200.000đ = 40.700.000đ$

Bước 2 là

$218.500.000đ \text{ gốc} \times 10\%/năm = 21.850.000đ \text{ lãi/năm}$

$21.850.000đ \text{ lãi} : 12 \text{ tháng} = 1.820.833đ \text{ lãi/tháng}$

$1.820.833đ \text{ lãi} : 30 \text{ ngày} = 60.694đ \text{ lãi/ngày}$

Vậy:

$* 21.850.000đ \text{ lãi/năm} \times 2 \text{ năm} = 43.700.000đ \text{ lãi/2 năm}$

$* 1.820.833đ \text{ lãi/tháng} \times 3 \text{ tháng} = 5.462.499đ \text{ lãi/3 tháng}$

$* 60.694đ \text{ lãi/ngày} \times 4 \text{ ngày} = 242.776đ/4 \text{ ngày}$

Tổng lãi là $21.850.000đ + 1.820.833đ + 60.694đ = 49.405.275đ \text{ lãi}$

Bước 3 là

$\text{Lãi } 40.700.000đ + 49.405.275đ - 3.000.000đ \text{ lãi đã trả} = 87.105.275đ \text{ lãi}$

Tổng cộng $308.500.000đ \text{ gốc} + 87.105.275đ \text{ lãi} = 395.605.275đ \text{ gốc và lãi anh}$

Lâm phải trả ông Hiền.

$\text{Án phí } 395.605.275đ \times 5\% = 19.780.263đ$

CÁCH TÍNH NÀY CÒN THIẾU 02 NGÀY LÃI, NÊN TÍNH THEO HƯỚNG DẪN CỦA NGÂN HÀNG

$90.000.000 \text{ đồng gốc} \times 20\%/năm \times 2 \text{ năm } 3 \text{ tháng } 6 \text{ ngày} = 40.734.247 \text{ đồng}$
(Bốn mươi triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn hai trăm bốn bảy đồng) tiền lãi anh Lâm phải trả cho ông Hiền.

$218.500.000 \text{ đồng gốc} \times 10\%/năm \times 2 \text{ năm } 3 \text{ tháng } 6 \text{ ngày} = 49.446.849 \text{ đồng}$
(Bốn mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm bốn chín đồng) tiền lãi anh Lâm phải trả cho ông Hiền.

Tổng tiền lãi là $40.734.247 \text{ đồng} + 49.446.849 \text{ đồng} - 3.000.000 \text{ đồng lãi đã trả} = 87.181.096 \text{ đồng}$ (Tám mươi bảy triệu một trăm tám mươi một nghìn không trăm chín sáu đồng).

$308.500.000 \text{ đồng tiền gốc} + 87.181.096 \text{ đồng tiền lãi} = 395.681.096 \text{ đồng}$ (Ba trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi một nghìn không trăm chín sáu đồng) là số tiền gốc và lãi anh Lâm phải trả cho ông Hiền.

